TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2019
V/v " Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rô Be

2. Bà Nguyễn Thị Kim Khoe

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên toà:*

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc " Tranh chấp ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2019 ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm: 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp Kinh 1, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Số 10/3 ND, BĐ, BH, Thuận An – Bình Dương.

2/. *Bị đơn:* Anh Đinh Duy Q, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp Kinh 1, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:

Chị Phạm Thị D và anh Đinh Duy Q chung sống với nhau vào năm 2012 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 07/8/2012 số: 149/2012; Quyển số:

02/2012. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị c□ỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh Q không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm lo lắng đến gia đình, chị D có khuyên nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, có lối sống không phù hợp.

Nay, chị D xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Phạm TQ, sinh ngày 01-01-2013 và cháu Đinh Phạm KT, sinh ngày 23/6/2015 hiện nay cháu TQ và cháu KT đang ở với chị D từ năm 2017 cho đến nay.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn với anh Đinh Duy Q.

- Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi 02 con tên Đinh Phạm TQ, sinh ngày 01-01-2013 và cháu Đinh Phạm KT, sinh ngày 23/6/2015 chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho anh Đinh Duy Q tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Q đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn bị đơn anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 243, ấp kinh 1, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Duy Q đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị D và anh Đinh Duy Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 07/8/2012 số: 149/2012; Quyển số: 02/2012 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị D Hội đồng xét xử xét thấy sau khi kết hôn chị D và anh Q chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị D và anh Q đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau điều này chứng tỏa tình trạng hôn nhân không đạt được mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,….".

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh Q tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để Tòa án động viên anh chị quay về đoàn tụ tiếp tục cuộc sống hôn nhân và nuôi dạy con chung nhưng anh Q điều vắng mặt không có lý do. Đều này chứng tỏa anh Q bỏ mặc không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị D nữa.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được ".

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị D.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị D xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Phạm Q, sinh ngày 01-01-2013 và cháu Đinh Phạm KT, sinh ngày 23/6/2015 chị D yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị D Hội đồng xét xử xét thấy rằng từ

khi ly thân từ năm 2017 cho đến nay cháu TQ và cháu KT ở chung với chị D. Từ khi ly thân đến nay anh Q không quan tâm chăm sóc cho hai con, hiện nay chị D có công việc ổn định từ việc làm thợ may với mức thu nhập 7.000.000đ/ tháng. Từ năm 2017 cho đến nay chị D chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu tâm sinh lý phát triển bình thường hiện tại TQ và cháu KT còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ để trách xáo trộn và phát triển tâm sinh lý của cháu TQ và cháu KT. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Phạm Thị D. Tiếp tục giao cháu Đinh Phạm TQ, sinh ngày 01-01-2013 và cháu Đinh Phạm KT, sinh ngày 23/6/2015 cho chị D trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu TQ và cháu KT đủ 18 tuổi. Anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị D.

2.Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Đinh Duy Q.

3. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đinh Phạm TQ, sinh ngày 01-01-2013 và cháu Đinh Phạm KT, sinh ngày 23/6/2015 cho chị D trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu TQ và cháu KT đủ 18 tuổi. Anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:0003477 ngày 16/7/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị D đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đinh Duy Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND thị trấn Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Vũ